

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-ST

Ngày 23 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Bà Hồng Thị Q, sinh năm 1981 (vợ ông Trường) (vắng mặt)

Cùng cư trú: Khóm G, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 05/5/2019, ông Nguyễn Văn T có mua điện thoại di động, Ti vi còn nợ ông số tiền là 16.600.000 đồng, ông T có ký tên vào hợp đồng. Yêu cầu trả góp hàng tháng, góp trong 10 tháng, mỗi tháng góp 1.660.000 đồng, trả vào ngày 01 hàng tháng nếu trễ kèm theo phí nhắc nợ. Từ khi mua còn nợ đến nay ông T không trả như thỏa thuận, ông có liên hệ đòi nhưng ông T cứ hứa hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Hiện tại bà Hồng Thị Q và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng nên việc mua vật dụng sinh hoạt gia đình sử dụng mục đích chung nên bà Q cùng có trách nhiệm

trả nợ cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q cùng trả số tiền còn nợ là 16.600.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q cùng trả tiền từ việc ông Nguyễn Văn T có mua điện thoại, Ti vi còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Việt S xác định ông Nguyễn Văn T có thỏa thuận mua hàng sử dụng còn nợ của ông tổng số tiền là 34.500.000 đồng. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về nội dung: Ông Nguyễn Việt S xác định là ông đã thỏa thuận mua bán đối với ông Nguyễn Văn T. Vào ngày 05/5/2019, ông Nguyễn Văn T có mua điện thoại di động, Ti vi còn nợ ông số tiền là 16.600.000 đồng, ông T có ký tên vào hợp đồng. Yêu cầu trả góp hàng tháng, góp trong 10 tháng, mỗi tháng góp 1.660.000 đồng, trả vào ngày 01 hàng tháng nếu trễ kèm theo phí nhắc nợ. Từ khi mua còn nợ đến nay ông T không trả như thỏa thuận, ông có liên hệ đòi nhưng ông T cứ hứa hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Hiện tại bà Hồng Thị Q và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng nên việc mua vật dụng sinh hoạt gia đình sử dụng mục đích chung nên bà Q cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Việt S. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp hợp đồng điện thoại và biên bản thỏa thuận xác nhận nợ cùng ngày 05/5/2019 có nội dung ông Nguyễn Văn T còn nợ tiền 16.600.000 đồng.

[4]. Đối với ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Do nợ phát sinh trong thời lý hôn nhân nên bà Hồng Thị Q cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Việt S.

[5]. Do ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S và buộc ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q cùng phải trả toàn bộ số tiền từ việc mua bán còn nợ là 16.600.000 đồng cho ông Nguyễn Việt S là có cơ sở.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 16.600.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Hồng Thị Q phải chịu 830.000 đồng (tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 415.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019880 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị Đào, ông Nguyễn Văn Đen có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước